

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà.

2. Bà Quách Thị Hồng Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị D, sinh năm 19AA.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 19EE.

Địa chỉ: Số F, ấp G, xã H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị D trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn (sống chung vợ chồng) vào năm 2008, được UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng những năm gần đây vợ chồng thường xuyên cãi vã (gây gổ) do vợ chồng không đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 6 năm. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được.

Nay chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Khánh Ng, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Hồ Bảo Y, sinh ngày 26/11/2011, hiện 02 con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn chị D đồng ý giao 02 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời gian sống chung vợ chồng, đăng ký kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn anh T thống nhất theo lời trình bày của chị D. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên anh T đồng ý ly hôn chị D

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Khánh Ng, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Hồ Bảo Y, sinh ngày 26/11/2011, hiện 02 con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Các con của chị D và anh T là các cháu Nguyễn Hồ Khánh Ng và Nguyễn Hồ Bảo Y có ý kiến khi cha mẹ ly hôn đều có nguyện vọng được sống chung với cha là anh Nguyễn Thành T.**

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị D. Chị Hồ Thị D ly hôn anh Nguyễn Thành T.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hồ Khánh Ng, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Hồ Bảo Y, sinh

ngày 26/11/20YY cho anh Nguyễn Thành T chăm sóc nuôi dưỡng; hiện 02 con đang sống chung với anh T, chị D không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị D và anh T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn là chị Hồ Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành T là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Hồ Thị D, anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị D, anh T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị D và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2008 tại UBND xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị D và anh T đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng những năm gần đây vợ chồng thường xuyên cãi vã (gây gổ) do vợ chồng không đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân (không còn sống chung với nhau) hơn 6 năm, đã không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”

Và tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Đã hơn 06 năm chị D, anh T sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lo lắng cho nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên chị D hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn chị D.

Vì vậy, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D, anh T đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Nếu chị D, anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị D yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các cháu Nguyễn Hồ Khánh Ng và Nguyễn Hồ Bảo Y đang có cuộc sống ổn định với anh T. Anh T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu tốt, ý kiến của cháu Khánh, cháu Y có nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn; chị D, anh T cũng thống nhất việc giao 02 con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Khánh, cháu Y cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của chị D, anh T, phù hợp nguyện vọng của hai con, đúng quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu trong sinh hoạt, học tập. Chị D được quyền tới lui thăm nom chăm sóc 02 con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị D, anh T xác định là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị D phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị D. Cho chị Hồ Thị D ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Anh Nguyễn Thành T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hồ Khánh Ng, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Hồ Bảo Y, sinh ngày 26/11/2011; hiện cháu Ng và cháu Y đang sống với anh T.

- Anh Nguyễn Thành T không có yêu cầu chị Hồ Thị D cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau ly hôn trong vụ án này, nên không xem xét.

- Chị Hồ Thị D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Thành T xác định là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị D nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị D đã nộp ngày 26/5/2023 theo biên lai thu số 0015208 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Khánh Đông, SĐ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Minh Thìn